**ĐỀ KIỂM TRA 45 PHÚT HK1 VẬT LÍ 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên chủ đề** | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | | | | | **Cộng** |
| TNKQ | TL | TNKQ | TL | **Cấp độ thấp** | | | **Cấp độ cao** | | |
| TNKQ | | TL | TNKQ | TL | |
| **Đo độ dài. Đo thể tích.** | - Nêu được một số dụng cụ đo độ dài, đo thể tích với GHĐ và ĐCNN của chúng. | | - Xác định được độ dài trong một số tình huống thông thường.  - Xác định được GHĐ và ĐCNN của dụng cụ đo độ dài, đo thể tích. | | - Đo được thể tích một lượng chất lỏng. Xác định được thể tích vật rắn không thấm nước bằng bình chia độ, bình tràn. | | |  | | |  |
| *Số câu hỏi* | *3* |  |  | *1* |  | *1* | |  | |  | *5*  *(4,5đ)* |
| *Số điểm* | *1,5đ* |  |  | *1,5đ* |  | *1,5đ* | |  | |  |
| *Tỉ lệ %* | *15%* |  |  | *15%* |  | *15%* | |  | |  | *45%* |
| **Khối lượng và lực** | - Nêu được khối lượng của một vật cho biết lượng chất tạo nên vật.  - Nêu được đơn vị đo lực.  - Nêu được trọng lực là lực hút của Trái Đất tác dụng lên vật và độ lớn của nó được gọi là trọng lượng. | | - Nêu được ví dụ về tác dụng đẩy, kéo của lực.  - Nêu được ví dụ về một số lực.  - Nêu được ví dụ về tác dụng của lực làm vật biến dạng hoặc biến đổi chuyển động. | | - Nêu được ví dụ về vật đứng yên dưới tác dụng của hai lực cân bằng và chỉ ra được phương, chiều, độ mạnh yếu của hai lực đó.  - Đo được khối lượng bằng cân. | | | So sánh được độ mạnh, yếu của lực dựa vào tác dụng làm biến dạng nhiều hay ít. | | |  |
| *Số câu hỏi* | *3* |  |  | *1* |  | *1* | |  | |  | *5*  *(5,5đ)* |
| *Số điểm* | *1,5đ* |  |  | *2,0đ* |  | *2,0đ* | |  | |  |
| *Tỉ lệ %* | *15%* |  |  | *20%* |  | *20%* | |  | |  | *55%* |
| **TS câu** | *6* | | *2* | | *2* | | | | | | *10*  *(10đ)* |
| **TS điểm** | ***3,0đ*** | | ***3,5đ*** | | ***3,5đ*** | | | | | |
| ***Tỉ lệ %*** | ***30%*** | | ***35%*** | | ***35%*** | | | | | | **100%** |

**Thiết lập bảng ma trận như sau:**

**ĐỀ KIỂM TRA 45 PHÚT**

**A. TRẮC NGHIỆM (3 điểm):** Chọn đáp án đúng ở các câu sau ghi vào bài thi:

**Câu 1.** Dụng cụ dùng để đo thể tích của chất lỏng là

A. ca đong và bình chia độ. B. bình tràn và bình chứa.

C. bình tràn và ca đong. D. bình chứa và bình chia độ.

**Câu 2:** Độ chia nhỏ nhất của thước là

A. độ dài giữa hai vạch chia liên tiếp trên thước.

B. độ dài nhỏ nhất ghi trên thước.

C. độ dài lớn giữa hai vạch chia bất kỳ trên thước.

D. độ dài nhỏ nhất có thể đo được bằng thước.

**Câu 3:** Giới hạn đo của bình chia độ là

A. giá trị giữa hai vạch chia liên tiếp trên bình.

B. giá trị lớn nhất ghi trên bình

C. thể tích chất lỏng mà bình đo được.

D. giá trị giữa hai vạch chia trên bình.

**Câu 4**: Trên vỏ túi bột giặt có ghi 1kg số đó cho ta biết gì ?

1. Thể tích của túi bột giặt . B. Sức nặng của túi bột giặt
2. Chiều dài của túi bột giặt D. Khối lượng của bột giặt trong túi.

**Câu 5:** Đơn vị đo lực là

A. kilôgam (Kg). B. mét (m). C. mililít (ml). D. niu tơn (N).

**Câu 6:** Trọng lực là

A. lực đẩy của vật tác dụng lên Trái Đất.

B. lực hút giữa vật này tác dụng lên vật kia.

C. lực hút của Trái Đất tác dụng lên vật.

D. lực đẩy của Trái Đất tác dụng lên vật.

**B. TỰ LUẬN (7 điểm)**

**Câu 7(1,5đ):**

Nêu các bước chính để đo độ dài?

**Câu 8 (1,5đ):** Cho một bình chia độ, một hòn đá cuội (không bỏ lọt bình chia độ, có thể tích nhỏ hơn giới hạn đo của bình chia độ).

a. Ngoài bình chia độ đã cho ta cần phải cần ít nhất những dụng cụ gì để có thể xác định được thể tích của hòn đá?

b. Hãy trình bày cách xác định thể tích hòn đá với những dụng cụ đã nêu?

**Câu 9 (2,0đ):**

a) Nêu 1 ví dụ về tác dụng đẩy hoặc kéo của lực?

b) Nêu 1 ví dụ về tác dụng của lực làm cho vật chuyển động nhanh dần hoặc chậm dần?

**Câu 10 (2,0đ):**

Hãy nêu kết quả tác dụng lực của vật này lên vật khác? Lấy ví dụ minh họa?

**Đáp án và biểu điểm :**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đáp án** | **Điểm**  **t/p** | **Tổng điểm** |
| **I/ Trắc nghiệm (3 điểm)**   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | | Đáp án | A | A | B | D | D | C | | 0,5đ/câu | **3,0** |
| **II/ Tự luận (7 điểm)** | | |
| **Câu 7**:  Các bước đo độ dài:   * Ước lượng độ dài cần đo * Đặt thước và mắt nhìn đúng cách * Đọc,ghi kết quả đo theo đúng qui định | 0,5  0,5  0,5 | **1,5** |
| **Câu 8:**  a. Dụng cụ: Ngoài bình chia độ đã cho để đo được thể tích của hòn đá cần thêm bình tràn và nước.  b. Cách xác định thể tích của hòn đá: (1,0đ)  ***Học sinh có thể trình bày được một trong các cách khác nhau để đo thể tích của hòn đá, ví dụ:***  **+ Cách 1:** Đặt bình chia độ dưới bình tràn sao cho nước tràn được từ bình tràn vào bình chia độ. Thả hòn đá vào bình tràn để nước tràn từ bình tràn sang bình chia độ. Thể tích nước tràn từ bình tràn sang bình chia độ bằng thể tích của hòn đá.  **+ Cách 2:** Đổ nước vào đầy bình tràn, đổ nước từ bình tràn sang bình chia độ. Thả hòn đá vào bình tràn, đổ nước từ bình chia độ vào đầy bình tràn. Thể tích nước còn lại trong bình là thể tích của hòn đá.  **+ Cách 3:** Bỏ hòn đá vào bình tràn, đổ nước vào đầy bình tràn. Lấy hòn đá ra. Đổ nước từ bình chia độ đang chứa một thể tích nước đã biết vào bình tràn cho đến khi bình tràn đầy nước. Thể tích nước giảm đi trong bình chia độ bằng thể tích hòn đá. | 0,5  1,0 | **1,5** |
| **Câu 9:**  - HS nêu được ví dụ  a) Ví dụ về tác dụng đẩy của lực: người thủ môn dùng tay đẩy quả bóng, tay tác dụng lực đẩy vào quả bóng.(….)  b) Ví dụ về tác dụng của lực làm cho vật chuyển động nhanh dần: Khi rơi,trọng lực tác dụng lên vật làm nó chuyển động nhanh dần(.....) | 1  1 | **2,0** |
| **Câu 10:**  - Lực mà vật A tác dụng lên vật B có thể làm biến đổi chuyển động của vật B hoặc làm biến dạng vật B. Hai kết quả này có thể cùng xảy ra.  - HS lấy được ví dụ đúng | 1,0  1,0 | **2,0** |